

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày: 30/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị PH. Mai
2. Ông Nguyễn Minh Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Anh - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thùy - Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 14/2018/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14 ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lương Tiến N., sinh ngày 18 tháng 10 năm 1978 tại Hà Nội; hộ khẩu thường trú: 513 tổ 16 (nay là tổ 3) C, , thành phố Hà Nội; nơi ở: số 9/3/10 L, C, N, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: (không); trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lương Tiến H và bà: Lương Thị T; vợ: Lê Thị H có 02 con (lớn 11, nhỏ 7 tuổi); danh chỉ bản số 297, lập ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: (không)

Tạm giam: 29/5/2017 - (Có mặt).

*** Người bị hại:**

- Chị Hà Thị Lan G.; sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: 303 - C3 N, C, thành phố Hà Nội - (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 30/6/2016, chị Hà Thị Lan G. gửi đơn đến Công an quận Hoàn Kiếm tố giác Lương Tiến N. lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc góp vốn đầu tư kinh

doanh chung khách sạn 09 Hàng Thùng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và 13 Hàng Chiếu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Cụ thể như sau:

Tháng 7/2012, anh Lê Minh T chung vốn kinh doanh khách sạn số 09 Hàng Thùng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội với Lương Tiến N.. Kỳ đầu từ tháng 07/2012 đến tháng 01/2013 phải góp vốn 800.000.000 đồng, do N. không có tiền góp nên anh T. cho N. vay 400.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh chung. Trong thời gian kinh doanh, lợi nhuận được chia đều, không phải đóng góp thêm tiền để sửa chữa và chi phí hoạt động khách sạn. Cuối tháng 12/2012, do cần tiền để trả nợ vì đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề nên N. đã rủ chị G. chung vốn cùng kinh doanh khách sạn 09 Hàng Thùng. N. đã đưa chị G. tới thăm quan khách sạn 09 Hàng Thùng, in các bảng kê chi tiết hoạt động kinh doanh khách sạn để tạo lòng tin với chị G. và hứa chia lợi nhuận nên chị G. đồng ý góp vốn. Ngày 02/01/2013, chị G. đã chuyển 280.000.000 đồng cho N.. Sau khi nhận được tiền, N. đã sử dụng chơi lô, đề và trả nợ hết. Ngày 14/01/2013, N. yêu cầu chị G. góp thêm 350.000.000 đồng, số tiền này N. đã dùng để đóng tiền thuê nhà đợt II từ tháng 02/2013 đến tháng 07/2013. Ngày 17/01/2013, N. yêu cầu chị G. góp 80.000.000 đồng để mua đồ kinh doanh khách sạn, số tiền này N. không dùng để mua đồ kinh doanh khách sạn mà đã sử dụng chơi lô, đề và trả nợ hết.

Ngoài ra, vào các ngày 06/02/2013, 22/04/2013 và ngày 21/05/2013, N. đã nhiều lần yêu cầu chị G. góp thêm tiền kinh doanh khách sạn 09 Hàng Thùng. Do chị G. không có tiền nên chị G. đi vay lãi ngoài 150.000.000 đồng và yêu cầu N. phải trả lãi từ 6% - 7,5%/ tháng.

Tháng 04/2013, N. thuê lại khách sạn tại địa chỉ số 13 Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội của anh Nguyễn G. N. để kinh doanh cùng anh Nguyễn Văn Luân. N. tiếp tục rủ chị G. cùng kinh doanh khách sạn này và chị G. đồng ý. Từ ngày 05/09/2013 đến ngày 17/12/2013, chị G. đã đi vay lãi số tiền 1.725.000.000 đồng để đưa N. đầu tư khách sạn và yêu cầu N. trả lãi hàng tháng từ 6% - 21%/tháng. Số tiền này N. đã sử dụng chơi lô đề, cờ bạc và trả nợ hết. Từ ngày 25/8/2013 đến 25/11/2013, N. nợ tiền thuê khách sạn 03 tháng là 183.123.000 đồng và N. đã viết giấy nhận nợ với anh G. N., đến nay không còn khả năng chi trả. Đến tháng 03/2014 do không có khả năng thanh toán và nợ nhiều nên N. đã dừng kinh doanh khách sạn 13 Hàng Chiếu.

Ngoài ra từ 12/12/2012 đến ngày 19/11/2014, chị G. cho N. vay tổng cộng 1.905.950.000 đồng (31 lần) sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 20/03/2014, do N. không trả tiền cho chị G. nên N. đã viết giấy vay của chị G. số tiền 3.950.000.000 đồng. Ngày 29/08/2014, N. viết giấy nhận 5.000.000.000 đồng của chị G. để mua nhà. Trên thực tế không có sự việc này, chị G. yêu cầu N. viết giấy nhận nợ nhằm mục đích ràng buộc trách nhiệm trả nợ của N..

Theo Kết luận giám định số 6737/KLGD-PC54 ngày 30/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết trong giấy biên nhận tiền ngày 29/08/2014 là của Lương Tiến N..

Tại Cơ quan điều tra, Lương Tiến N. đã khai nhận hành vi như trên và khai: Lợi dụng mối quan hệ thân thiết với chị Hà Thị Lan G., N. đã nhiều lần mời chị G. góp vốn đầu tư hai khách sạn số 09 Hàng Thùng và 13 Hàng Chiếu. N. hứa sẽ chia lợi nhuận kinh doanh và dẫn khách du lịch cho chị G.. N. khai đã nhận của chị G. tổng cộng 4.490.950.000 đồng, trong đó N. chỉ sử dụng số tiền 350.000.000 đồng để đầu tư khách sạn, còn 360.000.000 đồng N. sử dụng để đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề và trả nợ hết. Số tiền 3.780.950.000 đồng là tiền chị G. cho N. vay có tính lãi tùy từng thời điểm vay từ 6% đến 21%/tháng. Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 24/5/2017, N. đã trả chị G. tổng số tiền 148.300.000 đồng tiền gốc N. vay chị G..

Tại Cơ quan điều tra, chị Hà Thị Lan G. khai: Do tin tưởng Lương Tiến N. nên chị G. nhiều lần đưa tiền góp vốn kinh doanh chung hai khách sạn số 09 Hàng Thùng và 13 Hàng Chiếu. Tổng số tiền chị G. đã góp là 710.000.000 đồng (trong đó có 350.000.000 đồng để góp vốn đầu tư khách sạn), số tiền 3.780.950.000 đồng chị G. cho N. vay có tính lãi. Tuy nhiên, từ lúc chị Giang giao tiền cho N. vay đến nay N. chưa trả lãi cho chị Giang. Chị Giang đã nhận lại 148.300.000 đồng tiền nợ gốc của N. và yêu cầu N. bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 360.000.000 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra nhận được đơn của chị Nguyễn Thị Thu H tố giác Lương Tiến N. vay của chị số tiền 1.007.300.000 đồng, trả lãi 20%. Ngày 26/5/2017, em gái chị H. là chị Nguyễn Thị Hoàng Hải cho N. vay 342.000.000 đồng, không tính lãi. Lương Tiến N. thừa nhận có quan hệ vay mượn tiền của chị H. và chị Hải, có thỏa thuận trả lãi và cam kết trả tiền cho chị H., chị Hải. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội kết luận việc vay mượn giữa Lương Tiến N. và chị H., chị Hải là quan hệ dân sự nên đã hướng dẫn chị H., chị Hải khởi kiện N. đến Tòa án dân sự để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Bản cáo trạng số 268/CT-VKS ngày 26 tháng 11 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm truy tố bị cáo Lương Tiến N. về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lương Tiến N. đều khai nhận vào các ngày 02 và 17/01/2013 N. đã rủ chị Hà Thị Lan G. góp vốn đầu tư khách sạn tại số 09 Hàng Thùng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội với tổng số tiền là 360.000.000 đồng. Sau khi chị G. chuyển tiền N. đã không đầu tư khách sạn mà sử dụng số tiền trên vào việc trả nợ, chi tiêu cá nhân và chơi lô, đề. Đến nay N. không trả lại cho chị G..

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lương Tiến N. về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét vì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi: Lương Tiến N. quen biết và làm ăn với chị Hà Thị Lan G.. Do cần tiền đánh bạc và trả nợ nên N. đã nói với chị G. là cần tiền đầu tư khách sạn số 9 phố Hàng Thùng. Chính vì quen biết đã lâu nên chị G. tin tưởng N. thực sự cần tiền kinh doanh. Ngày 02/01/2013 chị G. đưa N. 280.000.000 đồng và ngày 17/01/2013 chị G. đưa N. 80.000.000 đồng. Tổng số tiền chị G. đưa cho N. 360.000.000 đồng. Cho đến nay N. không có khả năng trả lại chị G. số tiền trên.

Như vậy, hành vi của Lương Tiến N. phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân về tài sản và trật tự an toàn xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo khai báo thành khẩn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án chưa được khắc phục, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; do vậy, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính, do bị cáo không việc làm nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng (kèm sim) đã cũ.
- Người bị hại chị Hà Thị Lan G. yêu cầu bị cáo phải bồi thường 360.000.000 đồng. Vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Lương Tiến N. phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt:

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lương Tiến N. 10 (mười) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2017.

3. Biện pháp tư pháp:

Áp dụng: Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Bị cáo phải bồi thường 360.000.000đ (ba trăm sáu mươi triệu đồng) cho chị Hà Thị Lan G..

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chị G. có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng (kèm sim) đã cũ (imel của máy: 01362.....196008 không mở được máy để kiểm tra).

Máy và sim điện thoại đã cũ, chất lượng hiện trạng không rõ, không mở máy được để kiểm tra.

(Tang vật hiện giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 29/12/2017).

4. Án phí:

Áp dụng: Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.000.000 (mười tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THA DS quận Hoàn Kiếm;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Thu Hiền